

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư mới thôn Minh Hải, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung đô thị ven biển (Diêm Phố), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3517/SXD-QH ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư mới thôn Minh Hải, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

(kèm theo Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2024 của UBND huyện Hậu Lộc).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư mới thôn Minh Hải, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính của xã Minh Lộc, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp khu dân cư hiện hữu và nhà máy nước;
- Phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp và chùa Ngọc Luân;
- Phía Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp;
- Phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng.

1.2. Diện tích lập quy hoạch: 79.695,92 m².

1.3. Tính chất, chức năng: Là khu dân cư đô thị với không gian kiến trúc hiện đại, hài hoà giữa khu vực xây dựng mới và khu vực hiện có, với chức năng chính bao gồm: Nhà ở liền kề, công trình công cộng và các công trình hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu cho người dân trong khu vực.

2. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

- a) Chỉ tiêu về dân số: Dân số dự kiến khoảng 1.040 người.
- b) Chỉ tiêu sử dụng đất:
 - Đất ở: Khoảng 25,7 m²/người;
 - Đất giao thông: Khoảng 53,36 m²/người;
 - Đất cây xanh: 4,46 m²/người;
 - Đất bãi đỗ xe: 2,67 m²/người.
- c) Các chỉ tiêu xây dựng: Công trình nhà ở liền kề tầng cao từ 2-5 tầng, mật độ xây dựng 70-100%.
- d) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:
 - Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 1.000 kWh/người.năm;
 - Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 120L/người/ngđ;

- Chỉ tiêu xử lý chất thải: 1,2kg/người/ngđ.
- Chỉ tiêu, yêu cầu san nền kỹ thuật: Không ngập lụt, khối lượng thi công ít; thoát nước thuận lợi, gia cố hồ bằng cách trồng cỏ và kè đá.
- Chỉ tiêu kỹ thuật giao thông:
 - + Quy mô mặt cắt, kết cấu mặt đường theo các tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế, đảm bảo lưu thông an toàn, thuận lợi cho các phương tiện giao thông.
 - + Độ dốc dọc tối đa của đường $i_{\max}= 4\%$; Độ dốc ngang mặt đường $i_n= 2\%$; Bán kính cong bó vỉa tại các ngã giao nhau: $R = 8-15$ m.

3. Cơ cấu sử dụng đất

Tổng diện tích đất lập quy hoạch là 79.695,92 m², bao gồm:

- Đất nhà ở liền kề là 26.763,7 m², chiếm tỷ lệ 33,58%.
- Đất nhà văn hóa là 2.593,02 m², chiếm tỷ lệ 3,25%.
- Đất cây xanh là 4.640,57 m², chiếm tỷ lệ 5,82%.
- Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải; bãi đỗ xe; đất giao thông, vỉa hè) là 45.698,63 m², chiếm tỷ lệ 57,34%.

Bảng chi tiết cơ cấu sử dụng đất

Số TT	Phân loại đất	Số lô	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao	MĐXD (%)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà ở liền kề	260	LK	26.763,70	2 - 5	70-100*	33,58
	<i>Đất nhà ở liền kề 1</i>	9	LK01	1.010,15	2-5	70-100	
	<i>Đất nhà ở liền kề 2</i>	16	LK02	1.910,98	2-5	70-100	
	<i>Đất nhà ở liền kề 3</i>	52	LK03	5.227,38	2-5	70-100	
	<i>Đất nhà ở liền kề 4</i>	15	LK04	1.675,09	2-5	70-100	
	<i>Đất nhà ở liền kề 5</i>	44	LK05	4.496,28	2-5	70-100	
	<i>Đất nhà ở liền kề 6</i>	64	LK06	6.419,37	2-5	70-100	
	<i>Đất nhà ở liền kề 7</i>	29	LK07	2.897,86	2-5	70-100	
	<i>Đất nhà ở liền kề 8</i>	17	LK08	1.731,09	2-5	70-100	
	<i>Đất nhà ở liền kề 9</i>	14	LK09	1.395,50	2-5	70-100	
2	Đất nhà văn hóa	-	NVH	2.593,02	1	20 - 40	3,25
3	Đất cây xanh	-	CX	4.640,57	-	-	5,82
4	Đất hạ tầng kỹ thuật			45.698,63			57,34
4.1	Đất trạm XLNT và tập kết rác	-	HTKT	390,96	-	-	0,49
4.2	Bãi đỗ xe	-	P	2.778,31	-	-	3,49
4.3	Đất giao thông, vỉa hè	-	GT	42.529,36	-	-	53,36
Tổng				79.695,92	-	-	100,0

* Ghi chú: Mật độ xây dựng (MĐXD) tại “Bảng chi tiết cơ cấu sử dụng đất” nêu trên đối với các lô “Đất nhà ở liền kề” được quy định từ 70-100%. Ngoài ra, các thửa đất thuộc các lô “Đất nhà ở liền kề” phải đảm bảo tuân thủ quy định về mật độ xây dựng tối đa theo Bảng 2.8 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

4. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đô thị

a) Đất ở liền kề: Với tổng diện tích là 26.763,7 m², bao gồm 260 lô, diện tích các lô từ 89,24-164,85 m², MĐXD từ 70-100%, giới hạn tầng cao từ 2-5 tầng.

b) Đất cây xanh - công viên: Diện tích 4.640,57 m², được bố trí giữa các khu nhà liền kề, là không gian mở, lối xanh của khu vực, bao gồm cây xanh, đường dạo... phục vụ sinh hoạt cộng đồng của khu vực.

c) Đất nhà văn hóa: Diện tích 2.593,02 m², nằm tại phía Đông khu quy hoạch. Là nơi sinh hoạt cộng đồng của khu dân cư. MĐXD từ 20-40%, giới hạn tầng cao không quá 01 tầng.

d) Đất bãi đỗ xe: Tổng diện tích 2.778,31 m², gồm 05 vị trí, được bố trí phân tán nhằm đáp ứng nhu cầu đỗ xe tập trung của khu dân cư.

e) Đất trạm xử lý nước thải và điểm tập kết rác: Tổng diện tích 390,96 m², bao gồm 02 khu, được bố trí phía Đông và phía Tây khu dân cư, là khu xử lý nước thải tập trung và điểm tập kết rác của khu dân cư.

f) Đất giao thông: Với diện tích 42.529,36 m², được thiết kế hài hòa, mạch lạc, tạo nên sự thông thoáng, hiện đại, là điểm kết nối các khu chức năng trong khu vực và bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

4.2. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất

a) Khu vực trọng tâm, các trục, tuyến không gian chính:

- Khu vực trọng tâm: Là khu vực tiếp giáp với tuyến đường Ven biển tạo điểm nhấn cho toàn bộ khu dân cư mới.

- Khu vực cây xanh và nhà văn hóa là nơi diễn ra các hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao của khu dân cư mới và dân cư hiện trạng xung quanh.

- Khu vực bãi đỗ xe phía Tây là bãi đỗ xe tập trung của người dân trong khu dân cư mới.

- Tuyến không gian chính (đường ven biển): Các công trình tại đây có hình thức kiến trúc hiện đại, kết hợp với tiểu cảnh, sân vườn... tạo lập tổng thể hài hòa, hiệu quả trong tổ chức không gian tuyến đường trung tâm.

b) Các khu vực khoảng mở, mảng không gian có tầm nhìn quan trọng:

Các khu vực cây xanh được bố trí giáp đường ven biển và xen lẫn các khu dân cư thấp tầng, kết hợp sân vườn, tạo ra môi trường sống, thân thiện với thiên nhiên, nâng cao chất lượng sống cho dân cư trong khu vực.

c) Quy định chiều cao, khoảng lùi, hình khối và màu sắc chủ đạo, các chi tiết kiến trúc các lô đất:

- Quy định về chiều cao, tầng cao: Chiều cao các tầng nhà, mái đón, bậc thềm, ban công và các chi tiết kiến trúc, phải đảm bảo hài hòa, đảm bảo tính thống nhất đối với từng ô quy hoạch và cho toàn khu vực; chiều cao tầng 1 các công trình thấp tầng (nhà ở) trên cùng tuyến phố phải thống nhất, cụ thể:

+ Cột nền: 0,45 m so với cột vỉa hè;

+ Chiều cao xây dựng tầng một: 3,9 m; chiều cao các tầng 2,3,4,5: 3,6 m (từ sàn đến sàn);

+ Cao độ xây dựng công trình: 7,95 m - 18,75 m;

- Độ vươn ra của các chi tiết kiến trúc như mái đón, bậc thềm, ban công (nếu có) phải đảm bảo hài hòa, thống nhất với các công trình lân cận cho từng khu chức năng và cho toàn khu vực.

- Quy định về khoảng lùi: Khoảng lùi của công trình tuân thủ chỉ giới xây dựng theo quy hoạch chi tiết đảm bảo tính thống nhất trên từng tuyến đường.

- Quy định về hình khối kiến trúc:

+ Giải pháp tổ chức không gian, hình thức kiến trúc hài hòa với cảnh quan, địa hình tự nhiên;

+ Hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc phù hợp với chức năng sử dụng của công trình, hài hòa với tổng thể của khu vực tạo sự thống nhất về màu sắc và không gian chung toàn khu;

- Quy định về màu sắc chủ đạo và các chi tiết kiến trúc:

+ Màu sắc sử dụng tươi sáng, hài hòa, nhã nhặn;

+ Không xây dựng hàng rào tại các khu vực công viên, vườn hoa, bãi đỗ xe. Đối với công trình khác, nếu xây dựng hàng rào thì khuyến khích sử dụng hàng rào có hình thức kiến trúc thoáng; tại phía trước và phía sau hàng rào kết hợp trồng cây xanh để chống bụi, hạn chế tiếng ồn và đảm bảo tính riêng tư đối với từng công trình.

- Quy định về chiếu sáng:

+ Hệ thống ánh sáng được thiết kế trên cơ sở hệ thống chiếu sáng đường phố và hệ thống chiếu sáng hắt cho các công trình kiến trúc;

+ Chiếu sáng cho các khu vực vườn hoa, đảm bảo an toàn cho khu vực khi về đêm.

d) Hệ thống cây xanh, hè đường:

- Hệ thống cây xanh đảm bảo yêu cầu về môi trường và cảnh quan, phù hợp với mặt cắt hè đường và điều kiện khí hậu của khu vực trong đó ưu tiên những cây dẻo dai, chịu được gió bão, sức sống cao, ít sâu bệnh....

- Vĩa hè, bó vỉa được sử dụng từ các loại vật liệu có kết cấu bền vững; sử dụng vật liệu cùng loại để xây dựng bó vỉa bo góc cây và các bồn hoa bố trí trên vỉa hè.

5. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đến từng lô đất

5.1. Quy hoạch san nền

- Nền chủ yếu là nền đắp, hướng dốc san nền phù hợp với tiêu thoát nước mưa. Hướng dốc chung là hướng Bắc Nam, thuận lợi tiêu thoát nước mặt về kênh hiện trạng nằm phía Bắc của khu dân cư, độ dốc san nền trung bình 0,3%.

- Cao độ san nền cao nhất: + 4,17 m; Cao độ san nền thấp nhất: + 3,39 m.

5.2. Quy hoạch giao thông

- Đường giao thông đối ngoại: Tuyến đường D1: (Đường bộ ven biển) có quy mô ngang quy hoạch (MCN 2-2): Lộ giới 48,0 m; mặt đường chính 7,5 m x 2 = 15 m; DPC giữa 3,0 m; DPC ngoài 2,5 m x 2 = 5 m, mặt đường gom 7,5 m x 2 = 15 m, hè đường đô thị: 5,0 m x 2 = 10 m;

- Đường giao thông đối nội:

+ Tuyến D2, D3, N1, N2, N3, N5, N6, N7 có mặt cắt ngang (MCN 1-1): Lộ giới 17,5 m; mặt đường: 3,75 m x 2 = 7,5 m; hè đường 5 m x 2 = 10 m;

+ Tuyến N4 có mặt cắt ngang (MCN 3-3): Lộ giới 20,5 m; mặt đường 5,25 m x 2 = 10,5 m; hè đường 2,5 m x 2 = 10,0 m.

5.3. Quy hoạch thoát nước mưa

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Mạng lưới mương thoát được bố trí phân tán. Hệ thống thoát nước sử dụng công thoát nước dưới lòng đường, có bố trí các cửa thu nước mặt đường

qua hệ thống bó vỉa dọc đường, độ dốc dọc mương lấy tối thiểu là 0,3%. Hồ thu có khoảng cách 20-35 m.

- Toàn bộ lượng nước mưa trong khu vực được thu gom vào hệ thống công thoát nước chảy dọc các tuyến đường theo quy hoạch chung đô thị ven biển (Diêm Phố); giai đoạn đầu khi hệ thống thoát nước đô thị chưa được đầu tư đồng bộ, nước mưa được thu gom và thoát ra mương hiện trạng phía Tây và phía Đông của khu đất.

5.4. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: giai đoạn đầu Nguồn nước cấp lấy từ đường ống cấp nước từ nhà máy nước Minh Lộc. Giai đoạn sau nguồn nước cấp đầu nối từ đường ống cấp nước dọc đường ven biển theo quy hoạch chung đô thị.

- Tổng nhu cầu cấp nước: $Q = 343,17 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Đường ống đầu nối cấp đến các đường ống phân phối, truyền dẫn cung cấp nước dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ cung cấp trực tiếp cho các hộ dùng nước.

- Bố trí các trụ cứu hỏa loại nối $\text{Ø}100$, nước phục vụ cứu hỏa được cấp chung với nước sinh hoạt, khoảng cách các trụ cứu hỏa 100-150 m/trụ.

5.5. Quy hoạch thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải thiết kế riêng so với hệ thống thoát nước mưa.

- Tổng công suất: $130,0 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ (bằng 80% lượng cấp nước sinh hoạt).

- Hệ thống giếng thăm được bố trí trên mạng lưới đường công thoát nước với khoảng cách từ 20-40 m.

- Nước thải được chia làm 02 khu vực để thu gom:

+ Khu vực phía Tây đường Ven biển được thu gom vào ống cống tròn D300 sau đó chạy dọc theo hè đường chảy về bể xử lý nước thải tập trung đặt ở phía Tây của khu quy hoạch.

+ Khu vực phía Đông đường Ven biển được thu gom vào ống cống tròn D300 sau đó chạy dọc theo hè đường chảy về bể xử lý nước thải tập trung đặt ở phía Đông của khu quy hoạch.

+ Nước thải sau khi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định, được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch chung đô thị ven biển (giai đoạn đầu khi hệ thống thoát nước đô thị chưa được đầu tư đồng bộ, nước thải sau khi xử lý được thoát ra mương hiện trạng). Nước thải sinh hoạt từ các nhà ở sẽ được xử lý qua bể tự hoại xây đúng cách trước khi xả ra hệ thống thoát nước thải chung của khu quy hoạch.

5.6. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện: Giai đoạn đầu: Nguồn điện trung thế cấp cho trạm biến áp dự kiến được lấy từ đường dây trung thế 35 kV di chuyển cắt qua khu vực. Giai đoạn sau nguồn điện đầu nối từ đường dây 22 kV đi dọc đường bộ ven biển.

- Nhu cầu dùng điện: 736,83 KVA.

- Lựa chọn 02 trạm biến áp có công suất là 400kVA-35(22)/0,4 kV, cấp điện cho khu dân cư và hệ thống điện chiếu sáng.

- Cấp điện sinh hoạt bằng đường dây 0,4 kV cho toàn bộ khu vực quy hoạch. Đường dây cấp điện sử dụng bằng hệ thống cáp ngầm chôn dưới vỉa hè.

- Cấp điện chiếu sáng khu vực bằng đường dây cáp ngầm đi dọc hè. Các tuyến đường được chiếu sáng bằng đèn led hiệu suất cao đảm bảo độ rọi và chói lóa theo quy định. Bố trí chiếu sáng bằng 1 dãy đèn bố trí một bên đường treo cao 8m; khoảng cách cột trung bình 35 m.

5.7. Quy hoạch thu gom, xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Tiêu chuẩn chất thải rắn sinh hoạt: 1,2kg/người/ngđ.

- Rác thải công cộng, văn hóa, thể thao lấy bằng 30% rác thải sinh hoạt.

- Tổng khối lượng chất thải rắn: 1,62 tấn/ngđ.

- Chỉ tiêu thu gom 100%.

- Trong các nhóm ở phải bố trí các vị trí thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi được thu gom để xử lý.

5.8. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Nhu cầu sử dụng: Tổng nhu cầu sử dụng thông tin liên lạc trong khu quy hoạch khoảng 520 thuê bao.

- Nguồn cấp: Nguồn cấp thông tin cho khu vực được dự kiến giai đoạn đầu lấy từ đường cáp quang thuộc tổng đài vệ tinh huyện Hậu Lộc ở phía bắc mặt bằng. Giai đoạn sau đầu nối từ đường cáp quang dọc đường bộ ven biển.

6. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá các quá trình thi công, xây lắp đến mức tối đa. Sử dụng các phương tiện vận tải, cơ giới có chỉ số kỹ thuật cao, đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Tổ chức thi công hợp lý, có các biện pháp bảo vệ, an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe con người và vệ sinh môi trường. Thi công theo đúng trình tự xây dựng, công trình ngầm làm trước, phần nổi làm sau, công trình hạ tầng kỹ thuật chính làm trước, công trình kiến trúc làm sau.

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong khu dân cư. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý và đạt tiêu chuẩn quy định trước khi đưa vào mạng đường ống thoát chung. Chất thải rắn được thu gom và xử lý hàng ngày. Tỷ lệ thu gom vận chuyển 90% đến 100% lượng rác thải, xoá bỏ các điểm rác tồn đọng trên vỉa hè, dưới lòng đường. Giảm phát sinh chất thải từ các hộ gia đình, khuyến khích thu nhặt, tái tuần hoàn chất thải.

7. Các hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện; danh mục các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch

7.1. Các hạng mục ưu tiên đầu tư

- Hệ thống công trình giao thông, vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật của khu dân cư.
- Bãi đỗ xe, nhà văn hóa.
- Nguồn lực thực hiện: Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định.

7.2. Danh mục các công trình xây dựng

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp điện, cấp thoát nước;
- Công trình nhà văn hóa;
- Các công trình vườn hoa, cây xanh cảnh quan;
- Bãi đỗ xe;
- Các công trình nhà ở liền kề.

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư mới thôn Minh Hải, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa kèm theo quyết định phê duyệt đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Hậu Lộc có trách nhiệm:

- Hoàn thiện, xuất bản hồ sơ đồ án được duyệt để lưu trữ; tổ chức công bố rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch, chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Bàn giao hồ sơ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt (thành phần hồ sơ quy hoạch theo quy định hiện hành, hồ sơ lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các văn bản pháp lý khác có liên quan) cho Sở Xây dựng, Viện Quy hoạch Kiến trúc, UBND xã Minh Lộc và các đơn vị liên quan lưu giữ, đăng tải thông tin quy hoạch và quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Rà soát sự đồng bộ của các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác liên quan với quy hoạch chi tiết đô thị được duyệt để thực hiện điều chỉnh (nếu có) để đảm bảo đồng bộ giữa các quy hoạch.

- Khi thực hiện đầu tư dự án yêu cầu thực hiện đầy đủ các thủ tục đấu nối về hạ tầng kỹ thuật khu vực với cơ quan chủ quản liên quan, các hồ sơ về thiết kế xây dựng, đất đai, môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ ...) để quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Viện Quy hoạch – Kiến trúc Thanh Hóa có trách nhiệm: Đăng tải nội dung hồ sơ quy hoạch lên Công thông tin quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị Việt Nam (<http://quyhoach.xaydung.gov.vn>), chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt.

3. Các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn thực hiện quy hoạch chi tiết được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H5.(2024)QDPD_QHCT KDC Minh Hai

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm